

Đo lường tác động của giá xăng dầu đến lạm phát của Việt Nam

PHẠM QUANG TÍN

Thời gian qua, cùng với sự biến động giá xăng dầu thế giới kéo theo sự thay đổi giá xăng dầu trong nước. Mỗi lần thay đổi giá xăng dầu, đặc biệt biến động tăng giá là có nhiều ý kiến đánh giá trái chiều với nhau giữa những cơ quan quản lý nước và các chuyên gia kinh tế về tác động của việc tăng giá xăng dầu đến lạm phát Việt Nam. Bài viết này nghiên cứu định lượng nhằm đưa ra kết quả chính xác mức độ tác động giá xăng dầu đến lạm phát Việt Nam, làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước có những chính sách tốt hơn trong việc quản lý xăng dầu và kiểm chế lạm phát ở Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong năm 2013, được sự cho phép của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, các công ty xăng dầu Việt Nam đã có 11 lần thay đổi giá bán lẻ xăng dầu trên thị trường Việt Nam. Riêng mặt hàng xăng, lần tăng giá có chênh lệch mức tăng giá cao nhất 1.450 đồng/lít vào ngày 28-3-2013, giá xăng từ mức 23.600 đồng/lít lên 25.050 đồng/lít và lần tăng giá cuối cùng trong năm 2013 vào ngày 18-12 với mức tăng 580 đồng/lít từ mức 24.130 đồng/lít lên 24.710 đồng/lít. Với 5 lần tăng giá và 6 giảm giá thì mức giá xăng đến thời điểm cuối năm 2013 là 24.710 đồng/lít so với mức giá tại thời điểm đầu năm 23.600 đồng/lít, thì bình quân mỗi lít xăng trong năm 2013 tăng thêm 1.110 đồng. Tương tự những mặt hàng thuộc nhóm xăng dầu đều có những thay đổi tăng giảm trong năm 2013 nhưng đến thời điểm cuối năm tất cả đều cao hơn so với mức giá đầu năm.

Sau mỗi lần thay đổi giá xăng dầu, đặc biệt là việc tăng giá đã tạo ra nhiều sự thay đổi về đời sống kinh tế - xã hội của người dân. Lạm phát gia tăng biểu hiện qua việc giá cả của nhiều hàng hóa bị tăng theo sự tăng giá của xăng dầu. Bên cạnh đó là tâm lý của người dân cũng có những bất ổn, hoang mang, thay đổi hành vi tiêu dùng theo sự

biến động của giá xăng dầu. Để đánh giá việc tăng giá xăng dầu tác động đến sự tăng giá của các hàng hóa khác như thế nào thì cũng có nhiều ý kiến, nhận định của các cơ quan chuyên môn cũng như các chuyên gia.

Đại diện Bộ Công thương Việt Nam, vào đầu tháng 7-2013, Bà Hồ Thị Kim Thoa - Thứ trưởng Bộ Công thương cho rằng: "Theo nghiên cứu của Tổ điều hành trong nước về ảnh hưởng của giá xăng, giá gas trong việc tăng chỉ số CPI (Consumer Price Index - Chỉ số giá cả tiêu dùng) thực tế là rất nhỏ". Tiếp theo trong phiên họp định báo định kỳ của Bộ Công thương vào ngày 3-9-2013, ông Võ Văn Quyền, Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước nhận định: "Trong tháng 7 giá xăng dầu trong nước tăng 3 lần, tháng 8 có lúc tăng cũng có lúc giảm, song điều này ảnh hưởng không đáng kể đến việc tăng chỉ số giá tiêu dùng. Nguyên nhân chủ yếu là do giá dịch vụ y tế tăng và việc bước vào năm học mới, nhu cầu mua sắm đồ dùng học tập tăng cao".

Bên cạnh sự khẳng định việc tăng giá xăng dầu không ảnh hưởng nhiều đến việc gia tăng giá của các mặt hàng từ một số cơ quan quản lý nhà nước, thì cũng có nhiều ý

Phạm Quang Tín, Th.S. Trường đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

kiến ngược chiều của nhiều chuyên gia về tác động của giá xăng dầu đến giá cả của các hàng hóa tiêu dùng. TS. Võ Trí Thành - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương cho rằng: "Đánh giá của các chuyên gia Bộ Công thương về tác động của giá xăng dầu không làm giá tăng giá cả các mặt hàng là không thuyết phục và chưa chính xác. Mỗi khi giá điện tăng, giá xăng tăng sẽ kéo theo các mặt hàng khác đều tăng", theo ông Hoàng Thọ Xuân - Nguyên Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước, Bộ Công thương: "Về tác động của việc tăng giá xăng dầu, chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến CPI. Đối với người bán hàng và doanh nghiệp kinh doanh, giá xăng dầu tăng sẽ được cộng vào giá thành sản xuất, giá thành sản phẩm".

Trước những đánh giá, nhận định trái chiều về tác động của giá xăng dầu đến giá cả của hàng hóa từ các chuyên gia, cơ quan quản lý. Để có cái nhìn khách quan cần có nghiên cứu đo lường về mặt định lượng sự tác động của giá xăng dầu đến lạm phát của Việt Nam. Làm cơ sở cho cơ quan chức năng có những căn cứ định lượng trong việc điều hành, quản lý thị trường xăng dầu cho phù hợp với điều kiện kinh tế Việt Nam.

2. Lạm phát và đo lường lạm phát

2.1. Lạm phát và các nguyên nhân dẫn đến lạm phát

- Có nhiều nhà kinh tế học khác nhau nghiên cứu về lạm phát và đưa ra nhiều khái niệm về lạm phát. Tiêu biểu như những nhà kinh tế học nổi tiếng thế giới:

+ David Begg: "Lạm phát là sự gia tăng mức giá"

+ Paul A. Samuelson - William D. Nordhaus: "Lạm phát biểu thị sự tăng lên trong mức giá chung".

+ Robert J. Gordon: "Lạm phát là sự vận động đi lên kéo dài trong tổng mức giá cả mà đại đa số sản phẩm đều dự phần".

+ Dermot McAleese: "Lạm phát là sự gia tăng liên tục của mức giá chung trong nền kinh tế".

+ N. Gregory Mankiw: "Lạm phát là sự gia tăng của mức giá chung".

+ Milton Fredman đại diện chủ nghĩa trọng tiền: "Lạm phát là sản phẩm của việc tăng cung tiền hoặc tăng hệ số tạo tiền ở mức lớn hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế", trong dài hạn, giá cả bị ảnh hưởng bởi cung tiền chứ không thực sự tác động lên tăng trưởng; nếu cung tiền tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng thì lạm phát tất yếu sẽ xảy ra.

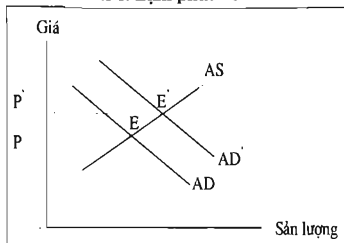
Tuy có nhiều khái niệm do nhiều nhà kinh tế học đưa ra nhưng tất cả đều thống nhất hàm ý: "Lạm phát phản ánh sự tăng giá của các hàng hóa". Điều này có nghĩa với cùng một lượng tiền như nhau, nhưng khi có lạm phát xảy ra thì khối lượng hàng hóa tiêu dùng sẽ ít đi do sự gia tăng giá cả so với ban đầu.

Nguyên nhân dẫn đến lạm phát: có nhiều nguyên nhân, tuy nhiên "lạm phát do cầu kéo" và "lạm phát do chi phí đẩy" là hai nguyên nhân cơ bản:

+ Lạm phát do cầu kéo: xảy ra khi tổng cầu về hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế cao hơn so với tổng cung làm cho giá cả của hàng hóa và dịch vụ có xu hướng tăng lên (hình 01). Giả định tổng cầu và tổng cung ban đầu trong nền kinh tế là đường AD và AS thì mức giá cân bằng tại điểm E được thị trường chấp nhận là P. Khi tổng cầu trong nền kinh tế thay đổi theo chiều hướng tăng lên làm cho đường AD dịch chuyển thành AD', nếu tổng cung trong nền kinh tế không thay đổi kịp với tổng cầu thì điểm cân bằng mới của thị trường là điểm E' và mức giá mới trong nền kinh tế được hình thành tăng lên mức P'.

Có nhiều nguyên nhân làm cho tổng cầu trong nền kinh tế gia tăng: do sự tăng trưởng của nền kinh tế làm cho tổng thu nhập của các thành phần dân cư trong nền kinh tế tăng dẫn đến xu hướng tiêu dùng tăng vì "chi tiêu phụ thuộc vào thu nhập"; do nhu cầu xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế tăng làm cho tổng cầu tăng.

HÌNH 1: Lạm phát do cầu kéo



+ Lạm phát do chi phí đẩy: xảy ra khi chi phí sản xuất tạo ra hàng hóa và dịch vụ tăng lên làm chi giá thành đơn vị hàng hóa và dịch vụ tăng lên. Để bù đắp chi phí sản xuất và duy trì được mức lợi nhuận, người sản xuất có xu hướng điều chỉnh tăng giá bán vì giá thành đơn vị sản phẩm là yếu tố quan trọng để hình thành nên giá bán hàng hóa và dịch vụ trên thị trường trong nền kinh tế. Chính điều này làm cho mặt bằng giá chung trong nền kinh tế có xu hướng tăng lên. Có nhiều nguyên nhân làm cho chi phí sản xuất tăng: sự gia tăng tiền lương nhân công, chi phí máy móc thiết bị, thuế,... tăng. Nguyên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu tăng làm cho tổng chi phí sản xuất trong nền kinh tế tăng.

+ Lạm phát tiền tệ: xảy ra khi tổng cung tiền lớn hơn tổng cầu tiền thực tế trong nền kinh tế làm cho nền kinh tế bị thừa tiền, tạo ra sự giàu có mang tính giả tạo. Điều này làm cho xu hướng tiêu dùng tăng vì dân cư có nhiều tiền. Tuy nhiên, khi mức cung tiền càng

lớn thì niềm tin về đồng tiền của dân cư bị suy giảm và người dân không muốn giữ tiền mà sẽ hóa đổi qua ngoại tệ, hàng hóa vật chất khác. Đồng tiền lưu chuyển với tốc độ ngày càng nhanh vì không ai muốn giữ tiền dẫn đến nhu cầu mua hàng hóa mà người dân đòi khi không có nhu cầu tiêu dùng thực sự, "cầu ảo" tăng mạnh. Điều này được Mundell và Tobin đại diện Lý thuyết tân cổ điển lý giải: "Lạm phát là nguyên nhân làm cho con người tránh giữ tiền mà chuyển thành các tài sản sinh lời". Tổng cầu tăng và nếu tổng cung tăng không kịp tổng cầu thì giá cả hàng hóa và dịch vụ sẽ gia tăng. Có thể coi lạm phát tiền tệ là một dạng lạm phát do cầu kéo.

Trường hợp tiêu biểu của lạm phát tiền tệ đã diễn ra ở Đức vào những năm 1922-1923. Nước Đức thất trận ở Chiến tranh thế giới, Chính phủ Đức rơi vào tình trạng thâm hụt ngân sách nặng nề, để tài trợ cho khoản thâm hụt này, Chính phủ Đức thực hiện việc phát hành tiền. Trong năm 1922 mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ ở Đức tăng 75 lần và còn lớn hơn nhiều lần trong năm 1923. Diễn hình của việc tăng giá hàng hóa ở Đức là vào tháng 10-1923, người tiêu dùng phải chi ra 192 triệu Reichsmarks (đồng tiền Đức) để mua một chai nước uống có giá 1 Reichsmarks vào tháng 5-1922.

2.2. Đo lường lạm phát

Để đo lường lạm phát, về mặt lý thuyết các nhà kinh tế học dùng tỷ lệ lạm phát (công thức 1.01) để đo lường. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ thay đổi của mức giá chung trong nền kinh tế.

$$\text{Tỷ lệ lạm phát (năm } t) = \frac{\text{Mức giá (năm } t) - \text{Mức giá (năm } t-1)}{\text{Mức giá (năm } t-1)} \times 100 \quad (1.01)$$

Mức giá được đưa vào tính tỷ lệ lạm phát được tính bằng giá trị bình quân gia quyền của các loại hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế. Tuy nhiên trong thực tế để đo lường lạm phát các nhà kinh tế học đã xây dựng các chỉ số giá.

- Chỉ số giá tiêu dùng: đo lường chi phí mua một lô hàng hóa vật chất và dịch vụ (rổ hàng hóa) chuẩn tại khác thời điểm khác nhau. Rổ hàng hóa trên thị trường bao gồm: thực phẩm, quần áo, nhà cửa, xăng dầu, vận tải, dịch vụ y tế, nhà ở, học phí... được mua

sắm phục vụ nhu cầu tiêu dùng cuộc sống hàng ngày. Tổng số hàng hóa được chọn đưa vào tính CPI là 364 nhóm hàng hóa vật chất và dịch vụ được thu thập từ 21.000 cơ sở trong 91 vùng cả nước. Tuy nhiên, tùy thuộc vào đặc điểm tiêu dùng của từng quốc gia thì cách xác định rổ hàng hóa có sự điều chỉnh nhất định cho phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia khác nhau.

Chỉ số giá sinh hoạt (CLI – Cost of Living Index): đo lường sự tăng về lý thuyết giá cả sinh hoạt của một cá nhân so với thu nhập, trong đó các chỉ số giá tiêu dùng được giá định một cách xấp xỉ. Chỉ số giá sinh hoạt có thể được điều chỉnh bởi "sự ngang giá sức mua" để phản ánh những khác biệt trong giá cả của đất đai hay các hàng hóa khác trong khu vực.

Chỉ số giá sản xuất (PPI – Producer Price Index): đo lường mức giá hàng hóa vật chất và dịch vụ ở giai đoạn sản xuất. Chỉ số giá sản xuất được tính dựa trên 3400 hàng hóa bao gồm: thực phẩm; các sản phẩm chế tạo; khoáng sản;... Trọng số để tính Chỉ số sản xuất là doanh thu ròng của hàng hóa.

- Chỉ số giá bán buôn (WPI – Wholesale Price Index): đo lường sự thay đổi giá cả các hàng hóa bán buôn (Hàng hóa được mua với

mục đích tiêu dùng sản xuất, không tính hàng hóa được mua với mục đích tiêu dùng cuối cùng).

Chỉ số giá hàng hóa (Commodity Price Index): đo sự thay đổi trong giá cả của các hàng hóa một cách có lựa chọn. Trong trường hợp bán vị vàng thì hàng hóa duy nhất được sử dụng là vàng. Khi nước Mỹ sử dụng bán vị lưỡng kim thì chỉ số này bao gồm cả vàng và bạc.

- Chỉ số giảm phát GDP (DGDP – Gross Domestic Product deflator): đo lường tỷ lệ Tổng sản phẩm trong nước (GDP) danh nghĩa (GDP được tính theo giá hiện hành – giá thị trường) tại trong một năm so với tổng sản phẩm trong nước thực tế (GDP được tính theo giá so sánh). Chỉ số DGDP được tính toán dựa vào quá trình tính tổng sản phẩm trong nước của một quốc gia. Giá cả được tính bằng bình quân gia quyền tất cả hàng hóa vật chất và dịch vụ được tính trong GDP, mỗi loại hàng hóa được gán với một quyền số, tương ứng với tầm quan trọng tương đối trong tổng GDP.

- Ngoài ra một số nhà kinh tế học dựa vào sự tăng trưởng tiền tệ danh nghĩa và tiền tệ thực tế để đo lường tỷ lệ lạm phát theo (công thức 1.02)

$$\text{Tỷ lệ lạm phát} = \frac{(\text{Tăng trưởng tiền tệ danh nghĩa})}{(\text{Tăng trưởng tiền tệ thực tế})} \quad (1.02)$$

Tuy có nhiều chỉ số khác nhau dùng đo lường lạm phát, nhưng thực tế chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được sử dụng rộng rãi ở các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tiếp theo là chỉ số giảm phát GDP cũng được các tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới - WB; Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF) tính toán và công bố hàng năm.

2.3. Cách thức đo lường lạm phát ở Việt Nam

Theo Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg "Về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia" ban hành ngày ngày 24-11-2005,

trong Hệ thống tài khoản quốc gia, chỉ tiêu chỉ số giá tiêu dùng - CPI với mã số 1301 được dùng đo lường biến động giá cả hàng hóa (lạm phát) trong nền kinh tế. Vì vậy, khi nói đến biến động chỉ số giá tiêu dùng đồng nghĩa với biến động lạm phát ở Việt Nam.

CPI của cả nước, được tính bằng phương pháp bình quân gia quyền giữa CPI của các vùng kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng của 8 vùng kinh tế được tính bằng phương pháp bình quân gia quyền giữa CPI của mỗi tỉnh, thành phố trong vùng. CPI của từng tỉnh, thành phố được tính bằng phương pháp

bình quân gia quyền giữa mức biến động giá của các nhóm mặt hàng với quyền số tương ứng.

Chỉ số CPI được áp dụng tính theo công thức Laspeyres tổng quát (03):

$$CPI = \frac{\sum w_0 \frac{P_t}{P_0}}{\sum w_0} * 100 \quad (03)$$

Trong đó: P_t ; P_0 : Lần lượt là giá cả của hàng hóa tiêu dùng ở thời kỳ t và cùng gốc; w_0 : quyền số cố định của hàng hóa tiêu dùng ở kỳ gốc.

Danh mục hàng hóa và dịch vụ đại diện đưa vào tính CPI gồm các mặt hàng và dịch vụ chủ yếu, đại diện cho tiêu dùng của dân cư trong một giai đoạn nhất định, được sử dụng để điều tra thu thập giá định kỳ. Theo Phương án và báo cáo thống kê giá tiêu dùng của Tổng cục Thống kê ban hành ngày 22-5-2009, danh mục hàng hóa đưa vào tính chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam có 572 mặt hàng hóa vật chất và dịch vụ được phân chia theo nhóm cấp ngành sản phẩm: 11 nhóm hàng cấp 1, 32 nhóm ngành cấp 2, 86 nhóm ngành cấp 3 và 256 nhóm ngành cấp 4. Trên cơ sở danh mục do Tổng cục Thống kê ban hành, tùy thuộc đặc thù sản xuất, kinh tế, mỗi địa phương sẽ xây dựng danh mục hàng hóa và dịch vụ cho phù hợp để tính chỉ số giá tiêu dùng cho địa phương.

Quyền số tính CPI là tỷ trọng chi tiêu cho các nhóm hàng hóa và dịch vụ trong tổng chi tiêu của dân cư, là tỷ trọng chi tiêu của năm gốc so sánh được sử dụng cố định trong 5 năm (đồng nhất với năm cập nhật danh mục hàng hóa và dịch vụ đại diện). Sau mỗi chu kỳ 5 năm, danh mục mặt hàng đại diện, quyền số lại được cập nhật cho phù hợp với thị trường tiêu dùng và cơ cấu chi tiêu cho đời sống hàng ngày của người dân trong giai đoạn hiện tại.

3. Tác động của giá xăng dầu đến lạm phát

3.1. Mô hình đo lường tác động giá xăng dầu đến lạm phát

Theo danh mục hàng hóa tính CPI của Việt Nam, xăng dầu thuộc nhóm hàng nhiên liệu nằm trong 572 mặt hàng hóa và dịch vụ được đưa vào tính CPI của Việt Nam. Vì vậy, khi giá xăng dầu thay đổi thì chắc chắn sẽ làm cho CPI ít nhiều thay đổi theo.

Căn cứ theo quyền số của mặt hàng nhiên liệu được đưa vào tính CPI nằm trong khoảng từ 4%-5% (tùy thuộc vào cơ cấu tiêu dùng của từng địa phương). Xét về mặt lý thuyết, nếu mặt hàng xăng dầu và giá định rằng tất cả các mặt hàng khác không thay đổi thì chỉ CPI sẽ không có sự biến động lớn. Tuy nhiên, xăng dầu không chỉ là mặt hàng tiêu dùng cuối cùng, tác động trực tiếp vào CPI, mà còn tác động gián tiếp vào CPI, vì xăng dầu đóng vai trò nguyên liệu sản xuất đầu vào cho nhiều nhóm ngành kinh tế khác.

Một trong những ngành chịu tác động mạnh nhất là ngành vận tải. Theo ông Đinh Nam Dinh, Phó Chủ tịch Hiệp hội vận tải thành phố Hồ Chí Minh: "Chi phí nhiên liệu chiếm khoảng từ 45% - 50% giá thành vận tải, sự biến động tăng giá xăng dầu đã tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp phải tăng giá cước để bù đắp chi phí.". Ông Trần Anh Minh - Phó Tổng giám đốc CTCP ảnh Dương Việt Nam cho rằng: "Việc tăng giá xăng mang yếu tố vĩ mô, nhằm bình ổn giá và mặt bằng chung cho thị trường. Tuy nhiên, động thái này không chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp trong ngành vận tải mà còn lan rộng ra nhiều ngành hàng khác. Chỉ có điều doanh nghiệp vận tải chịu ảnh hưởng trực tiếp, đây được xem như là thuế trực thu và doanh nghiệp phải chấp nhận thực tế". Ngoài ra, ngành khai thác hải sản, đánh bắt xa bờ,... sẽ chịu tác động mạnh bởi biến động giá xăng dầu. Sự tác động của giá xăng dầu có tính lan tỏa dây chuyền đến các hàng hóa và dịch vụ khác làm cho CPI hay lạm phát tăng có thể kết luận: "lạm phát do chi phí đẩy".

Để đo lường tác động của giá xăng dầu đến CPI Việt Nam, tác giả xây dựng mô hình hồi qui tương quan với biến phụ thuộc là CPI Việt Nam và biến độc lập là giá xăng dầu.

Mô hình lý thuyết đo lường tác động của giá xăng dầu đến CPI Việt Nam theo công thức (1.03):

$$Y_i = B_1 + B_2X_i + E_i \quad (1.03)$$

Trong đó: Y_i : biến động chỉ số tiêu dùng (CPI - 100); X_i : giá của xăng dầu; E_i những nhân tố khác tác động đến chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam không nằm trong mô hình 1.03.

Giả thuyết nghiên cứu của mô hình (1.03):

Giả thuyết H_0 : chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam không bị sự tác động bởi nhân tố giá xăng dầu.

Đối thuyết H_1 : chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam có bị sự tác động bởi nhân tố giá xăng dầu.

3.2. Kết quả đo lường tác động giá xăng dầu đến lạm phát Việt Nam

3.2.1. Nguồn số liệu

Số liệu sử dụng để ước lượng và kiểm định sự tác động của giá xăng dầu đến lạm phát

Việt Nam được thu thập theo chuỗi thời gian từ 1999 - 2013 (tương ứng 15 quan sát theo năm).

Biến phụ thuộc Y : mức biến động CPI của Việt Nam qua các năm, được công bố bởi Tổng cục Thống kê Việt Nam và Quỹ Tiền tệ quốc tế. Đơn vị tính: %.

Biến độc lập X : mức giá bình quân cộng gộp đơn của giá dầu thô thế giới được giao dịch trong năm tại thị trường chứng khoán New York. Đơn vị tính: USD/thùng. Khi giá dầu thế giới tăng thì sẽ làm cho hàng hóa thế giới cũng có xu hướng tăng theo. Điều này cũng có nghĩa không chỉ hàng hóa sản xuất trong nước của Việt Nam chịu tác động bởi biến động giá xăng dầu, mà những hàng hóa Việt Nam nhập được đưa vào tính CPI cũng tăng theo. Vì vậy, tác giả lấy giá dầu thế giới để tăng tính đại diện của nhân tố giá xăng dầu trong các mô hình phân tích.

Số liệu dùng để ước lượng và kiểm định các mô hình được tính toán và kết xuất từ phần mềm SPSS 17.0.

3.3.2. Giải thích kết quả ước lượng và kiểm định

BẢNG 1: Kết quả ước lượng và kiểm định các tham số của mô hình (1.03)

Model	Unstandardized Coefficients		T	Sig	Unstandardized Coefficients: các hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa; Std. Error: sai số chuẩn; R: hệ số tương quan; R Square: hệ số xác định.
	B	Std. Error			
(Constant)	0,074	2,572	0,029	0,978	
Giá dầu thô	0,159	0,039	4,096	0,001	
R	R Square	Durbin-Watson			
0,751	0,563	0,967			

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Thống kê, IMF và thomsonreuterseikon.com.

Căn cứ vào giá trị Sig (mức xác suất) của nhân tố giá dầu thô trong bảng 01 là 0,001 - nhỏ hơn 0,05. Điều này cho phép bác bỏ giả thuyết: "CPI Việt Nam không bị sự tác động bởi nhân tố giá xăng dầu". Hay nói cách khác, với mức ý nghĩa 5% có thể kết luận "CPI Việt Nam có bị sự tác động bởi nhân tố

giá xăng dầu", khi giá xăng dầu biến động sẽ làm cho CPI Việt Nam biến động.

Giá trị Durbin-Watson = 0,967 < 1,631 thuộc vùng giá trị (0 - d_u) nên mô hình 1.03 tồn tại hiện tượng tự tương quan. Giá trị d_u được xác định từ Bảng phân phối thống kê Durbin-Watson dựa vào mức ý nghĩa 5%;

$k=1$ và $n=15$. Vì vậy, kết quả ước lượng của mô hình 1.03 chưa thể phản ánh chính xác tác động của giá xăng dầu đến CPI Việt Nam. Để khắc phục hiện tượng tự tương quan, mô hình (1.04) được thay thế cho mô hình 1.03.

$$Y_t = B_1 + B_2X_t + U_t \quad (1.04)$$

Trong đó: $Y_t = Y_t - (1-D/2)Y_{t-1}$; $X_t = X_t - (1-D/2)X_{t-1}$; $D= 0,967$; U_t : những nhân tố khác tác động đến chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam không nằm trong mô hình.

BẢNG 2: Kết quả ước lượng và kiểm định các tham số của mô hình (1.04)

Model	Unstandardized Coefficients		T	Sig.	Mô hình thực tiễn: mô hình hồi quy qua gốc tọa độ. $Y = 0,188 X + E \quad (1.05)$
	B	Std. Error			
(Constant)	-1,267	2,345	-0,54	0,599	
Gia dau tho	0,188	0,063	2,971	0,012	
R	R Square	Durbin-Watson			
0,651	0,424	1,356			

Giá trị Durbin-Watson = 1,356 thuộc vùng giá trị ($d_u - 4 - d_w$). Cho thấy, với ý nghĩa 5%; $k=1$ và $n=14$, giá trị $d_w=1,350$ mô hình 1.04 không tồn tại hiện tượng tự tương quan. Ngoài ra, theo kết quả kiểm định Park, số liệu bảng 03 có giá trị Sig=0,052>0,05 chứng tỏ không có tồn tại hiện tượng phương sai không đồng nhất, nên mô hình 1.04 được dùng đo lường sự tác động giá xăng dầu đến chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam là tương đối chuẩn xác.

Các giá trị Sig trong bảng 2, mô hình 1.04

BẢNG 3: Kết quả phân tích phương sai - kiểm định mối quan hệ giữa phần dư và biến giá dầu của mô hình 1.04

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Regression	22.393	1	22.393	4.651	.052
Residual	57.779	12	4.815		
Total	80.172	13			

4. Kết luận

Trên cơ sở đo lường về mặt định lượng cho thấy, mật hàng xăng dầu tác động mạnh đến lạm phát của Việt Nam lên đến 42,4%, nên khi xăng dầu thế giới biến động sẽ làm cho lạm phát của Việt Nam biến động theo. Việt Nam là quốc gia có ngành khai thác và sản

xuất các mật hàng xăng dầu, tuy nhiên vẫn ở quy mô nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu cho thị trường trong nước và vẫn phải nhập khẩu nước ngoài. Xăng dầu là mật hàng Việt Nam không thể điều tiết giá trên thị trường quốc tế. Việc giá xăng dầu thế giới biến động là khách quan, Việt Nam không thể can thiệp.

Vì vậy, khi giá xăng dầu thị trường quốc tế thay đổi thì giá xăng dầu trong nước chắc chắn sẽ thay đổi theo nguyên tắc liên thông giữa các thị trường. Vấn đề là độ trễ thời gian là bao lâu và sự hỗ trợ, bình ổn giá ở mức độ nào? Và giá cả hàng hóa biến động làm cho lạm phát biến động là tất yếu.

Đặc biệt, khi chính sách hỗ trợ giá xăng dầu từ ngân sách nhà nước sẽ hạn chế để giá xăng dầu tuân theo sự biến động của thị trường. Hiện nay, giá xăng dầu được điều chỉnh tại khoản 1- điều 27 theo Nghị định số 84/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15-10-2009 "Giá bán xăng dầu được thực hiện theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước" và cũng tại điều 27 quy định "Thương nhân dầu mỗi được quyền quyết định giá bán buôn". Về lâu dài khi giá xăng dầu sẽ hoạt động theo cơ chế thị trường thì sự tác động của giá xăng dầu đến lạm phát sẽ còn mạnh hơn.

Về phía các cơ quan quản lý chức năng nhà nước khi giá xăng dầu thay đổi, không chỉ đưa ra những công bố mang tính trấn an dân cư như thời gian qua. Mà cần thực hiện các đồng bộ chính sách, biện pháp trong việc kiểm soát giá những mặt hàng không chịu

ảnh hưởng bởi nhân tố xăng dầu nhưng vẫn thay đổi giá mang tính "ăn theo" biến động giá xăng dầu. Ngoài ra nên nghiên cứu triển khai những biện pháp bảo hiểm giá xăng dầu nhằm hạn chế sự tác động quá mạnh của giá xăng đến lạm phát của Việt Nam khi giá xăng dầu thế giới thay đổi, nhằm góp phần kiểm soát lạm phát ở Việt Nam tốt hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mr Tran, *Đo lường và phân loại lạm phát*, <http://triviedoanhnhuan.com/index.php/355/>.
2. PGS.TS. Nguyễn Sinh Cúc (2008), *Bàn về phương pháp tính chỉ số giá nếu dùng*, Tạp chí Quản lý kinh tế, số 20, tr 35-41.
3. Bộ Kế hoạch và đầu tư và Tổng cục Thống kê (6-2006), *Phương án điều tra và báo cáo thống kê giá tiêu dùng*, Hà Nội.
4. David Begg - Stanley - Rudiger Dornbusch (2008), *Kinh tế học* - sách dịch, Nxb Thống kê, Hà Nội, Nguyễn Ngọc Bích và Đoàn Thắng biên dịch.
5. N. Gregory Mankiw (1999), *Macro Economics*, Worth Publisher, New York; *Kinh tế vĩ mô* - sách dịch; Nxb Thống kê; Hà Nội, GS. Vũ Đình Bách, Trường nhóm biên dịch.
6. Các báo cáo từ Quỹ Tiền tệ quốc tế <http://www.imf.org/external/ns/cs.aspx?id=28>